



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2025

CTCP Tập đoàn Thiên Long

Ngày 31/03/2025	57,000 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-	-	17.9%

DT thuần Q1/25
794
tỷ VNĐ
QoQ: ▼53.0 -6.2%
YoY: ▼15.0 -1.8%

LN thuần Q1/25
99.6
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 44.2 79.7%
YoY: ▼8.40 -7.8%

LN sau thuế Q1/25
78.4
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 39.4 101%
YoY: ▼9.90 -11.2%

Tỷ suất lãi EBIT Q1/25
13.3%
YoY: +/-▲ 6.4%

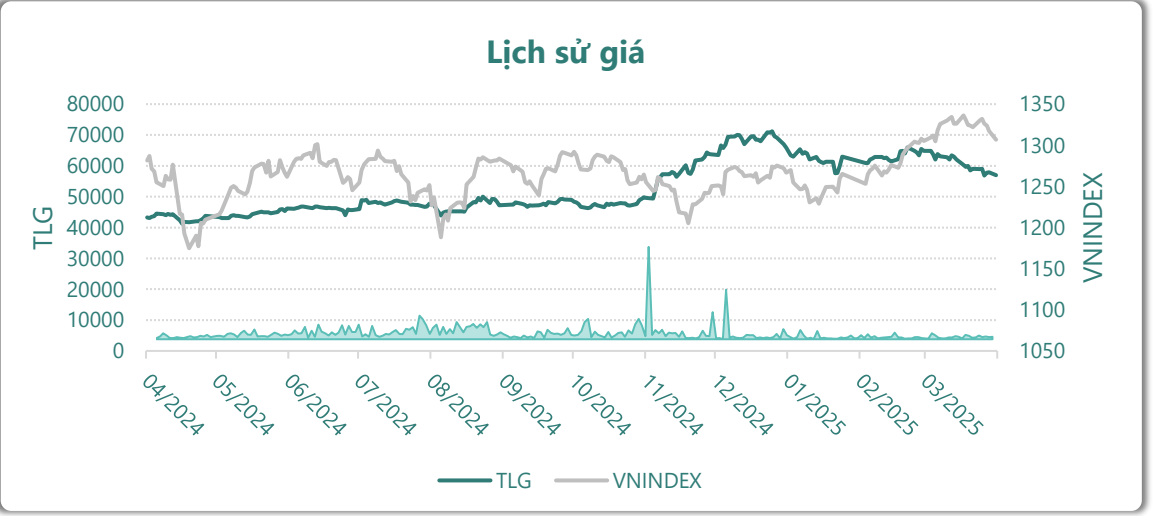
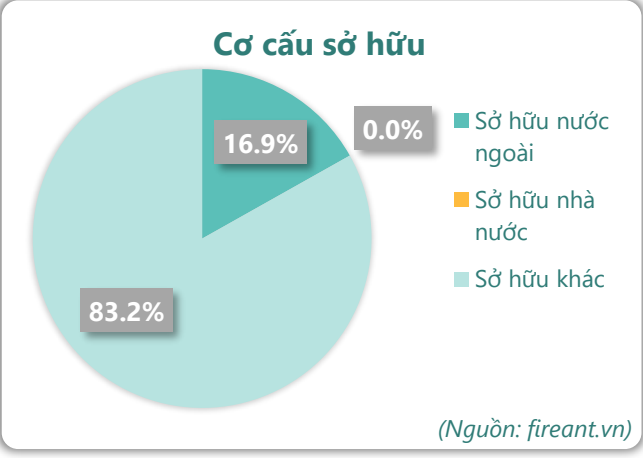
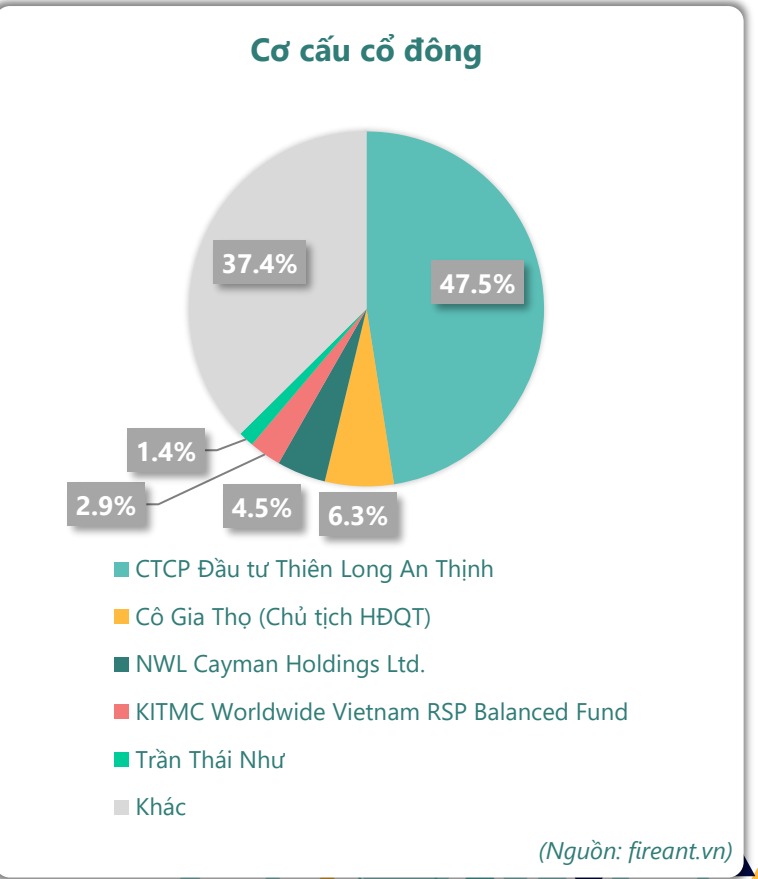
ROE (TTM) Q1/25
19.6%
YoY: +/-▼ 1.1%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	41,270 - 71,200
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	4,928
Số lượng CPLH (CP)	86,453,575
KLGD BQ 20 phiên (CP)	111,805
Sở hữu nước ngoài	16.9%
Beta	
EPS	5,231
P/E	10.9

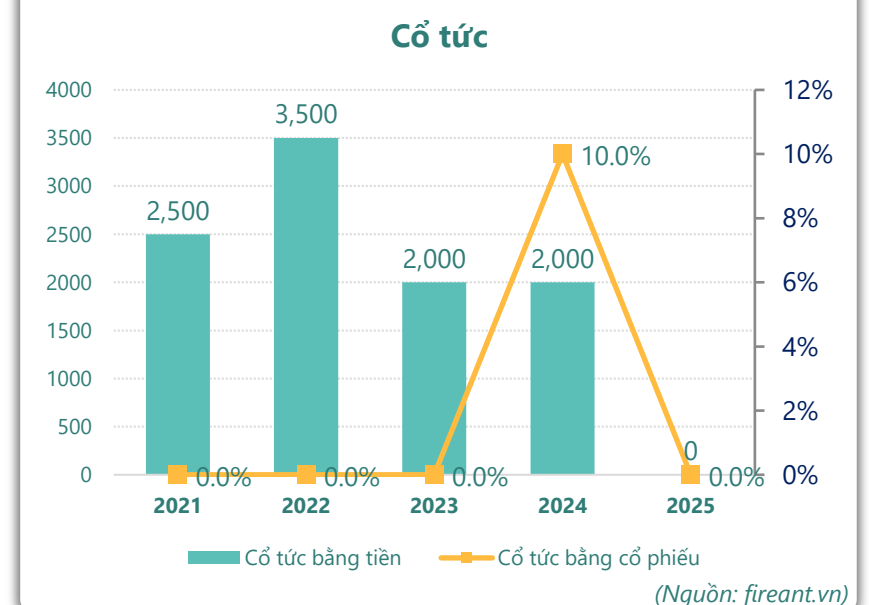
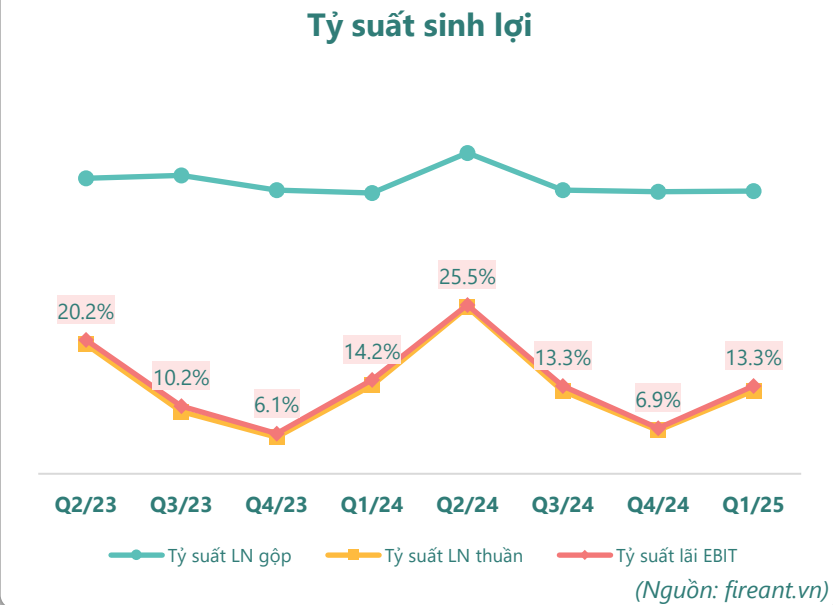
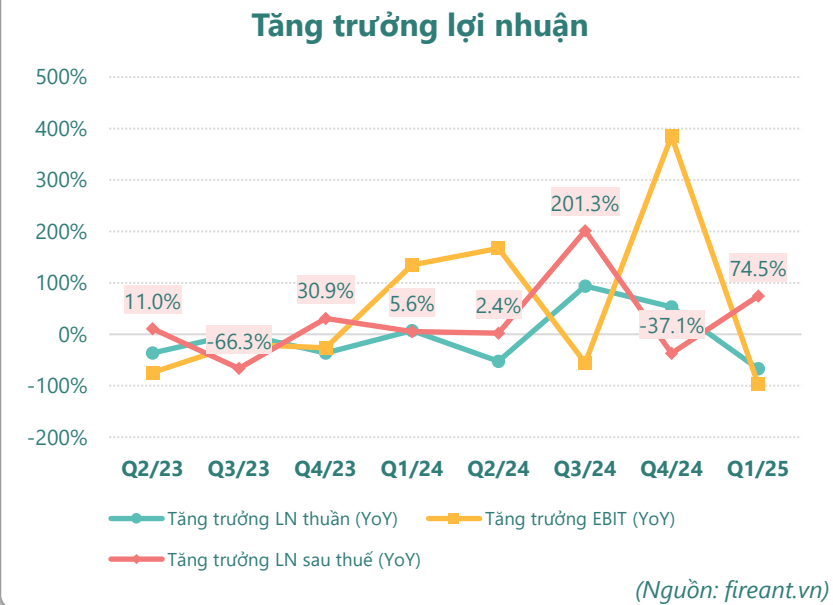
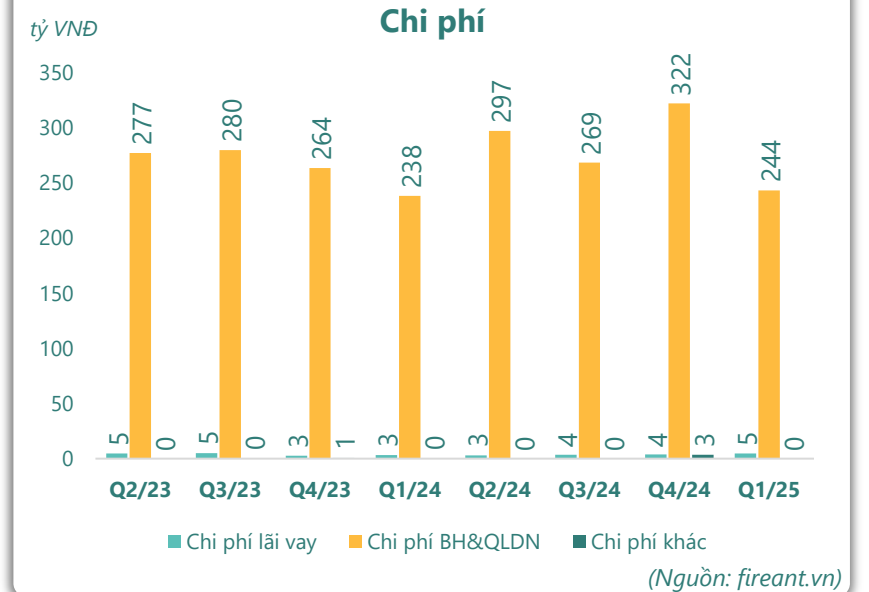
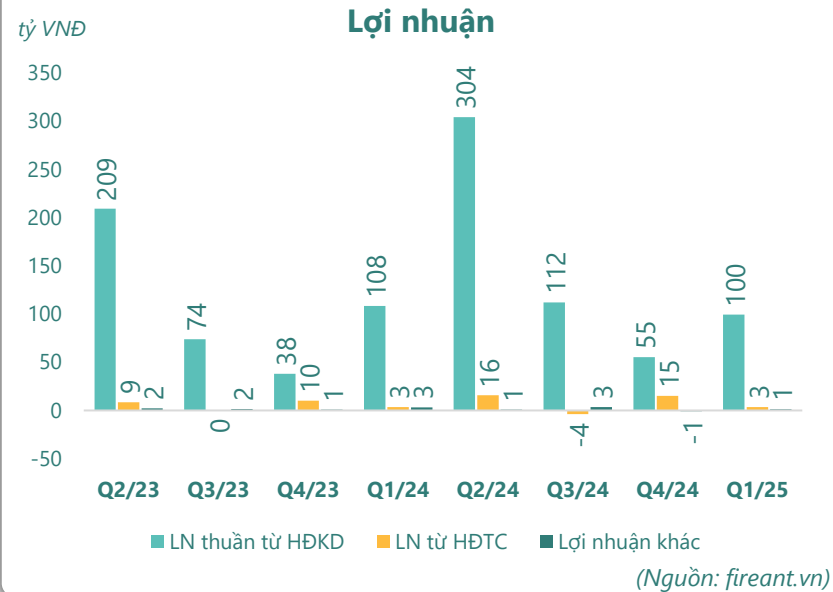
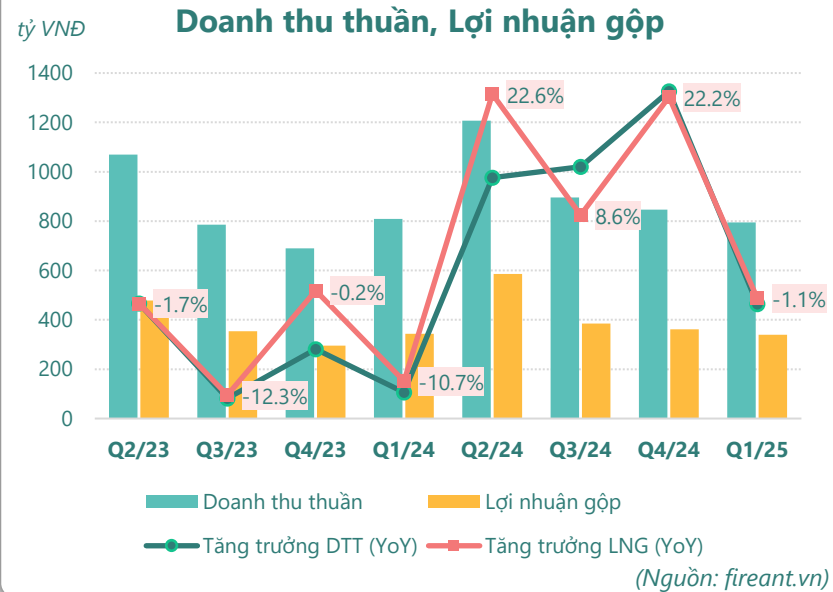
DT thuần 2024
3,759
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 297 8.6%

LN thuần 2024
580
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 136 30.6%

LN sau thuế 2024
460
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 104 29.2%



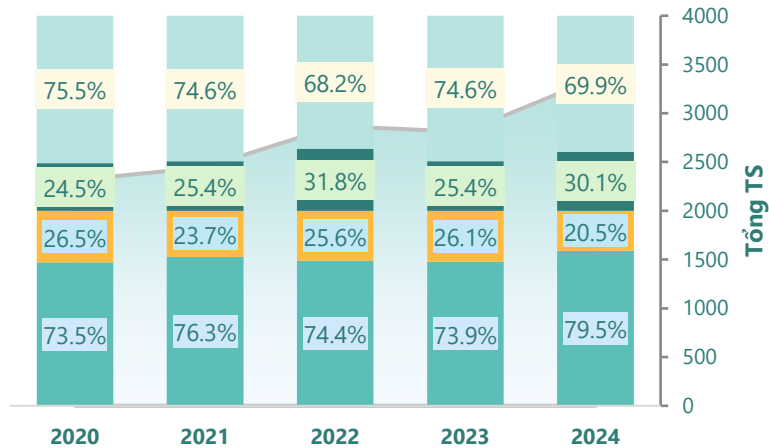
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

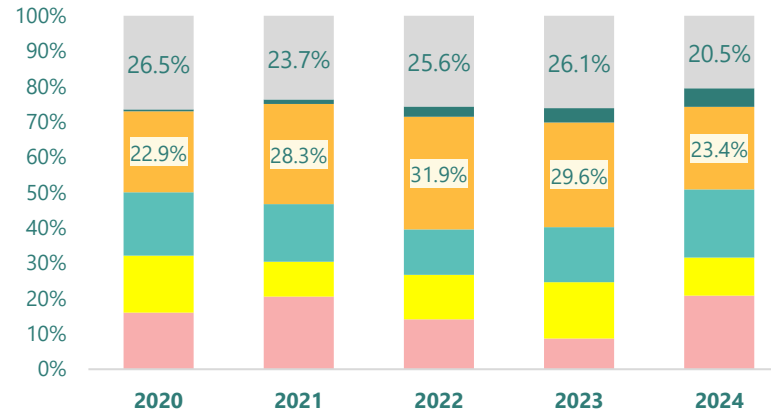
tỷ VNĐ



■ Tổng tài sản ■ TS ngắn hạn ■ TS dài hạn ■ Nợ phải trả ■ Nguồn VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS

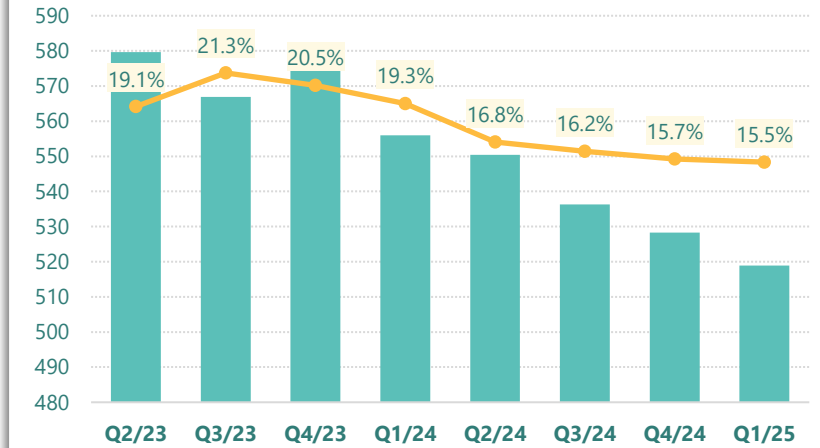


■ Tiền và Đ.Tiền ■ Đầu tư TC ngắn hạn ■ Phải thu ngắn hạn ■ Hàng tồn kho ■ TSNH khác ■ TS dài hạn

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

tỷ VNĐ

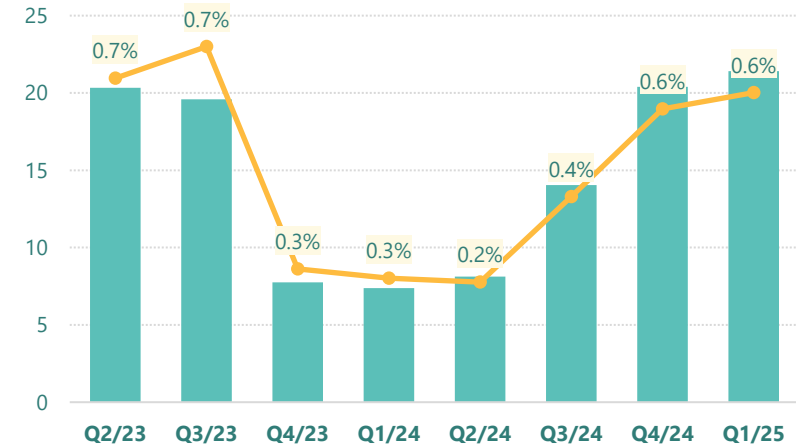


■ Tài sản cố định — TSCĐ/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

tỷ VNĐ

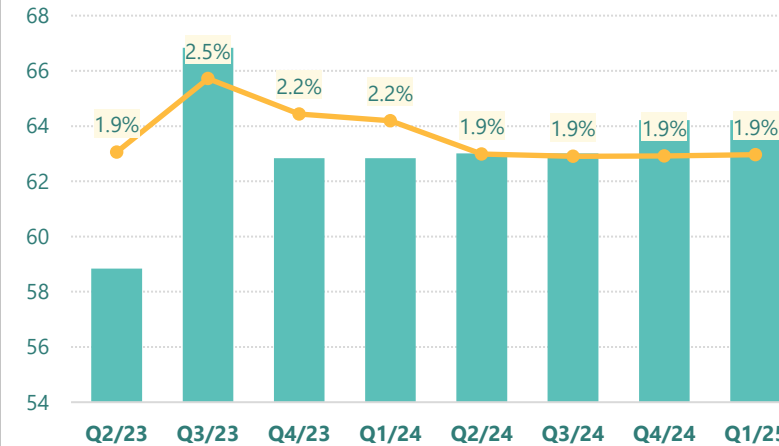


■ Tài sản dở dang — TSDD dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

tỷ VNĐ

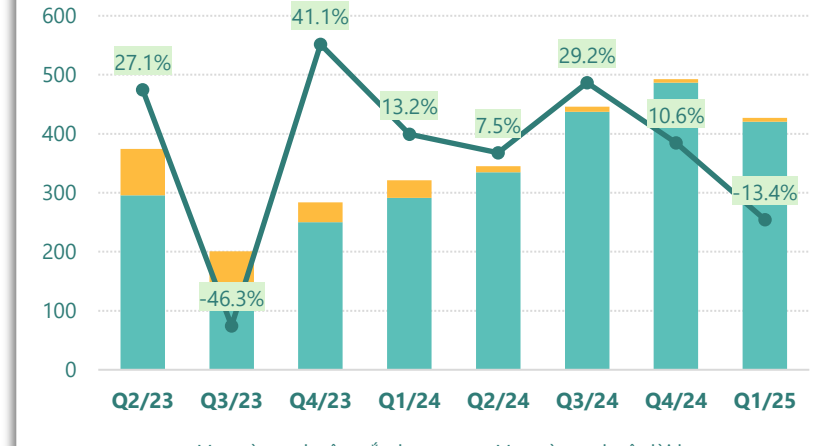


■ Đầu tư tài chính dài hạn — ĐTTC dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

tỷ VNĐ



■ Vay và nợ thuê ngắn hạn ■ Vay và nợ thuê dài hạn

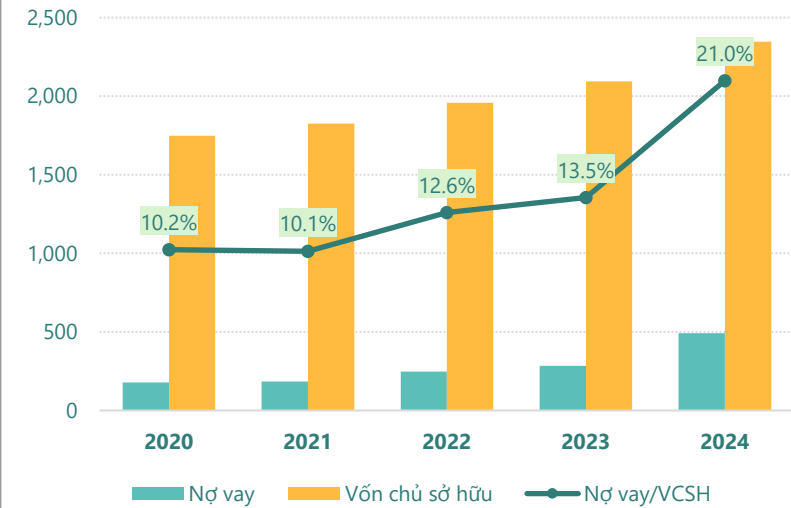
— Tăng trưởng nợ vay

(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

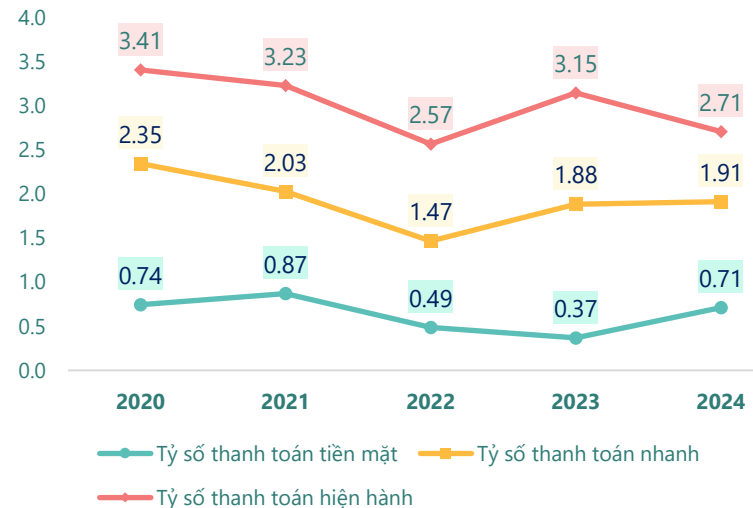
Nợ vay/VCSH

tỷ VNĐ



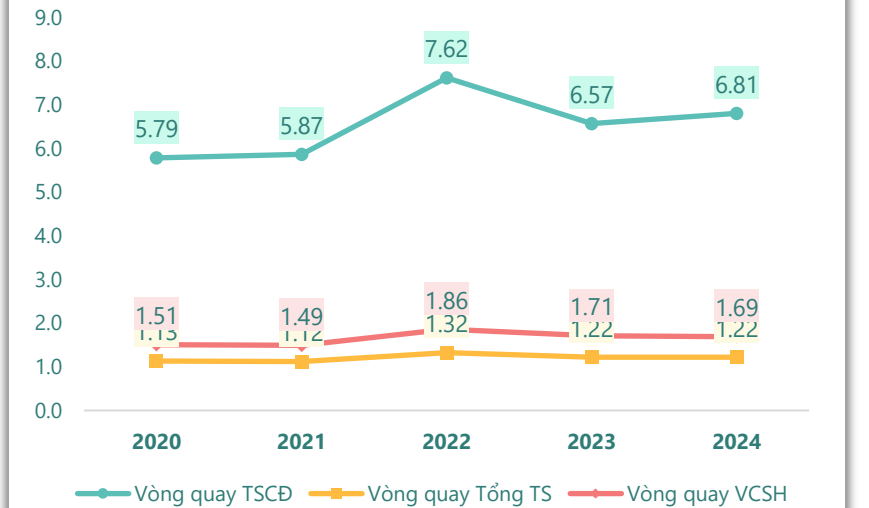
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



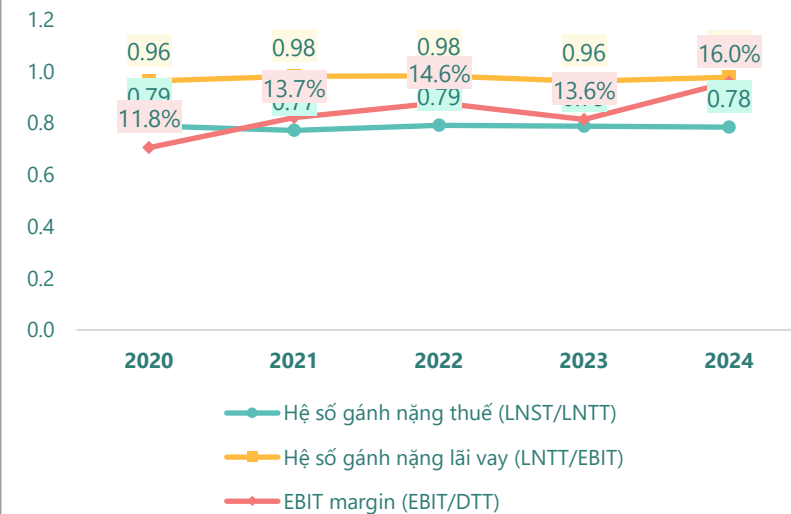
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



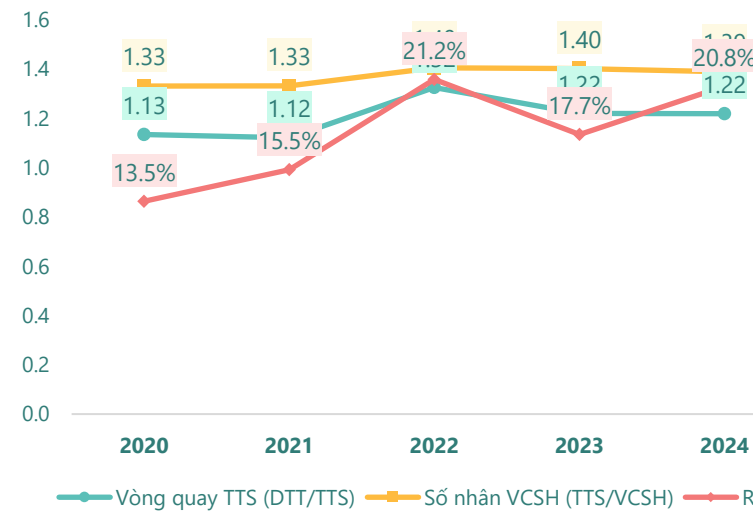
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



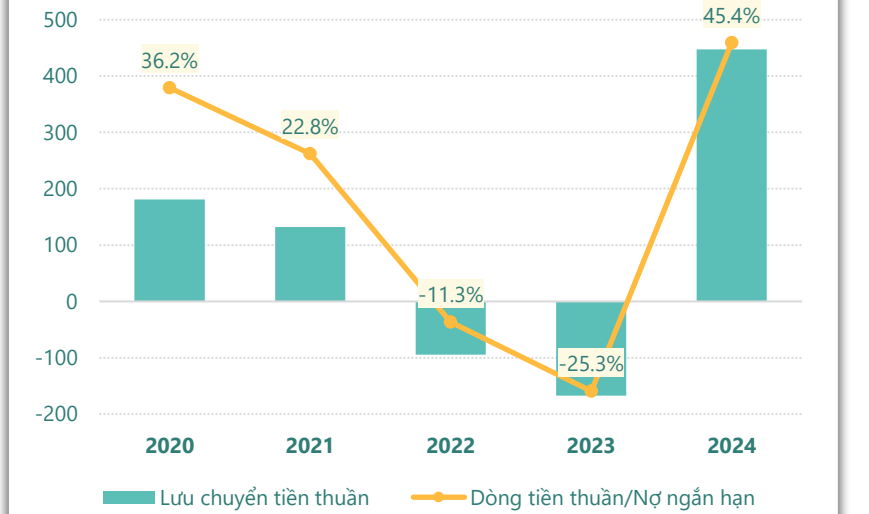
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)



KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q1/25	Q1/24	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	794	809	-1.8%	3,759	3,462	8.6%
Giá vốn hàng bán	455	465	-2.2%	2,083	1,949	6.9%
Lợi nhuận gộp	340	343	-1.0%	1,675	1,513	10.8%
Doanh thu HĐTC	9.58	8.62	11.2%	58.3	48.5	20.3%
Chi phí TC	6.16	5.26	17.1%	28.1	25.6	9.4%
Chi phí lãi vay	4.77	3.18	49.9%	13.5	17.8	-24.3%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		1.20	-4.00	130%
Chi phí bán hàng	165	156	5.5%	770	741	3.9%
Chi phí QLDN	78.9	82.3	-4.1%	357	347	3.0%
LN thuần từ HĐKD	99.6	108	-7.8%	580	444	30.6%
Lợi nhuận khác	1.18	3.33	-64.4%	6.83	7.99	-14.5%
LN trước thuế	101	112	-10.1%	587	452	29.8%
Lợi nhuận sau thuế	78.4	88.3	-11.2%	460	356	29.2%
LNST của CĐ cty mẹ	78.9	88.3	-10.7%	462	359	28.6%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	137	-115	334	138	-1.89	-123
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-214	33.6	-219	-105	326	130
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	90.7	37.5	23.9	22.0	-31.8	-65.9
Tiền đầu kỳ	225	243	199	345	399	700
Lưu chuyển tiền thuần	13.2	-43.9	139	55.0	292	-59.7
Ảnh hưởng tỷ giá	5.35	-0.21	6.04	-0.42	8.70	0.95
Tiền cuối kỳ	243	199	345	399	700	641

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	3,341	3,360	-0.6%
Tài sản ngắn hạn	2,654	2,671	-0.6%
Tiền và tương đương tiền	641	700	-8.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	227	361	-37.2%
Phải thu ngắn hạn	747	649	15.1%
Hàng tồn kho	855	785	8.9%
Tài sản ngắn hạn khác	184	176	4.5%
Tài sản dài hạn	687	689	-0.2%
Phải thu dài hạn	14.8	14.7	0.4%
Tài sản cố định	519	528	-1.8%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	21.4	20.4	5.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	64.2	64.2	0.0%
Tài sản dài hạn khác	68.0	61.2	11.1%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	916	1,012	-9.5%
Nợ ngắn hạn	890	986	-9.7%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	421	487	-13.5%
Phải trả người bán ngắn hạn	309	260	18.7%
Nợ dài hạn	26.1	26.7	-2.2%
Vay và nợ thuê dài hạn	6.20	6.20	0.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	2,425	2,347	3.3%
Vốn chủ sở hữu	2,425	2,347	3.3%
Vốn điều lệ	865	865	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

